

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 305/2024/HS-PT

Ngày: 09-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thông.

Ông Lê Khắc Thịnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 233/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn Đ (Tên gọi khác: không)** sinh năm 1996, tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T, sinh năm: 1968 và bà Bùi Thị H, sinh năm: 1971; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con út; vợ: Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1996, con: 01 sinh năm 2024; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ: không; tạm giam: không, hiện đang trú tại: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại; người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Đ được mẹ ruột là Bùi Thị H cho chiếc xe mô tô biển số 66B1-692.49 nhãn hiệu HONDA, loại xe SH MODE, màu trắng nâu; số khung 5128FY109283; số máy JF51E0317766, Giấy chứng nhận đứng tên Nguyễn Minh T1, sinh năm: 1997, cư trú tại khóm P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, mục đích làm phương tiện đi lại.

Tuy nhiên vào đầu tháng 02 năm 2023 Phạm Văn Đ nảy sinh ý định mang xe đi cầm lấy tiền tiêu xài, nhưng do xe không chính chủ sẽ khó giao dịch, nên Y lên mạng xã hội Facebook tìm và đặt làm Giấy chứng nhận đăng ký xe chính chủ của chiếc xe trên với chủ sở hữu là Phạm Văn Đ, nơi cư trú là ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi đã hoàn chỉnh giấy tờ giả xong ngày 28/02/2023 Phạm Văn Đ điều khiển xe đến Dịch vụ cầm đồ CHINO địa chỉ khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do Nguyễn Văn O làm chủ, bị cáo gặp vợ ông O là bà Phù Kim O1 làm hợp đồng cầm xe với giá là 30.000.000 đồng. Đến tháng 6 năm 2023 ông O rà soát thì thấy Y không đóng lãi và đến chuộc lại xe nên ông O đã đến nhà Y, yêu cầu Y đóng lãi hoặc chuộc xe, nhưng Y hứa mà không thực hiện. Ngày 05/10/2023 Phạm Văn Đ thừa nhận với Nguyễn Văn O giấy tờ xe là giả, do Y thuê trên mạng xã hội làm, nên xe không thể làm thủ tục sang tên cho người khác được, khi đó ông O yêu cầu Y chuộc xe, nhưng Y không đồng ý, ông O đã tố cáo đến Công an huyện T làm rõ hành vi phạm tội của Phạm Văn Đ.

Qua điều tra xác định xe mô tô biển số 66B1-692.49 nhãn hiệu HONDA, loại xe SH MODE, màu trắng nâu; số khung 5128FY109283; số máy JF51E0317766, là của ông Lê Văn T2, sinh năm 1977, trú tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp mua của một người tên M không rõ địa chỉ, khi mua bán không làm giấy tờ, không sang tên, Giấy chứng nhận đứng tên Nguyễn Minh T1 (giấy giả). Sau khi mua xong ông T2 mang xe cầm cho dịch vụ cầm đồ Minh P địa chỉ ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do Phan Thanh P1 làm chủ, giá cầm là 20.000.000 đồng, sau đó ông T2 yêu cầu thêm 5.000.000 đồng nhưng ông P1 không đồng ý.

Thấy vậy ông T2 có nhờ ông Liên Thu B, thỏa thuận với bà Bùi Thị H là mẹ ruột của bị cáo Phạm Văn Đ đứng ra chuộc xe và đóng tiền lãi cho ông P1. Bà H nhận cầm cố xe trên của ông T2 với giá là 28.000.000 đồng, sau khi cầm xe cho bà H ông T2 không có khả năng chuộc lại, nên đã giao quyền sở hữu xe cho bà H, bà H đã cho Phạm Văn Đ làm phương tiện đi lại và Phạm Văn Đ đã thực hiện hành vi gian dối như đã nêu trên.

Tại kết luận giám định số 1162/KL-KTHS ngày 27/10/2023 của Phòng K công an tỉnh Đ, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số: 041101 biển số 66B1-692.49 nhãn hiệu HONDA, loại xe SH MODE, màu trắng nâu; số khung 5128FY109283; số máy JF51E0317766 mang tên Phạm Văn Đ là giả.

Tại kết luận giám định số 354/KL-KTHS ngày 28/3/2024 của Phòng K công an tỉnh Đ, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số: 041101 biển số 66B1-692.49 nhãn hiệu HONDA, loại xe SH MODE, màu trắng nâu; số

khung 5128FY109283; số máy JF51E0317766 mang tên Nguyễn Minh T1 là giả.

Tại kết luận giám định số 988/KL-KTHS ngày 24/5/2024 của Phòng K công an tỉnh Đ, kết luận: Số khung, Số máy xe mô tô biển số 66B1-692.49 nhãn hiệu HONDA, loại xe SH MODE, màu trắng nâu; số khung 5128FY109283; số máy JF51E0317766 bị thu giữ là: Số ký tự khung sau giám định bị tẩy xóa, đóng lại; Số ký tự máy sau giám định bị tẩy xóa, đóng lại.

Theo định giá tài sản số 100/KL-HĐ ngày 20/10/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: xe mô tô biển số 66B1-692.49 nhãn hiệu HONDA, loại xe SH MODE, màu trắng nâu; số khung 5128FY109283; số máy JF51E0317766 có giá trị là 24.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã xét xử:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2; Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt Phạm Văn Đ – 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung 02 tội buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải chấp hành hình phạt là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, bị cáo Phạm Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo thừa nhận Bản án số 42/2024/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp kết án bị cáo phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là quá nặng so với hành vi của bị cáo và tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng hành vi của bị cáo Phạm Văn Đ bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Mức án mà Tòa án cấp

sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có cung cấp đơn xin cứu xét hiện gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của địa phương, tình tiết này Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng cho bị cáo, ngoài ra bị cáo không cung cấp tình tiết nào khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn Đ.

Trong phần tranh luận, bị cáo Phạm Văn Đ không tham gia tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo Phạm Văn Đ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Bị cáo Phạm Văn Đ thừa nhận đã đặt mạng xã hội làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66B1-692.49 từ tên Nguyễn Minh T1 sang tên của bị cáo là Phạm Văn Đ rồi sử dụng giấy tờ giả đó đem xe cầm cho Nguyễn Văn O để chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng rồi bỏ xe không chuộc. Lời nhận tội của bị cáo Phạm Văn Đ phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời trình bày của người làm chứng, đúng với kết quả giám định đã xác định là Giấy đăng ký xe, số khung xe, số máy xe đều là giả tạo. Khi thực hiện hành vi bị cáo nhận thức đầy đủ việc làm giả Giấy đăng ký xe và sử dụng Giấy tờ giả đó nhằm gian dối ông Nguyễn Văn O để ông O tin tưởng nhận cầm xe với số tiền là 30.000.000 đồng, sau khi có tiền bị cáo đã bỏ xe không chuộc nhằm chiếm đoạt của ông O 30.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Văn Đ bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự bằng Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét thấy khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, đã khắc phục bồi thường toàn bộ cho bị hại Nguyễn Văn O với số tiền là 33.000.000 đồng, được bị hại xin giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có cân nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo từ đó phán quyết mức án 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung 02 tội buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải chấp hành hình phạt là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù là phù hợp.

[3] Bị cáo Phạm Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có cung cấp đơn xin cứu xét hiện gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của địa phương, tình tiết này Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng cho bị cáo, ngoài ra bị cáo không cung cấp tình tiết nào khác. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Đ, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn Đ.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với kháng cáo của bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tuy nhiên, trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa cụ thể rõ ràng, nên Hội đồng xét xử điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Đ.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn Đ.

2. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải chấp hành hình phạt là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC-Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND huyện T (02 bản);
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THATA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội